

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1052/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Thành Đức

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 344/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 15/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2019, bản tự khai, biên bản ghi nhận ý kiến và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: bà N và ông Võ Văn T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TH, tỉnh HT, ngày 27/4/2010. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, hai vợ chồng có mâu thuẫn nhưng cả hai giải quyết được. Nhưng từ lúc bà N mang thai đứa con thứ hai (năm 2018) được gần 05 tháng, thì ông T phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác làm cùng công ty, từ lúc đó ông T thường xuyên đi sớm về muộn, thời gian sau thì ít về nhà, bỏ mặc vợ con, Mâu thuẫn càng lúc càng lớn, ông T thường xuyên hắt hủi, đánh đập bà N. Mặc dù được gia đình, bạn bè khuyên can nhưng ông T vẫn

không từ bỏ nhân tình để về với gia đình. Tới nay thì bà N thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T .

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Đức H, sinh ngày 20/11/2010 và Võ Đức N, sinh ngày 05/10/2018, bà N yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà N xác định không có.

Bị đơn ông Võ Văn T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do

Đại diện Viện kiểm sát quận Thủ Đức trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về mặt tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về mặt nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Võ Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1]Về tố tụng:

Nguyên đơn Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu “Ly hôn” với ông Võ Văn T căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Võ Văn T có địa chỉ cư trú tại quận Thủ Đức, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Võ Văn T tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Võ Văn T, nhưng ông T vắng mặt không có lý do, Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà N.

[2]Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Văn T chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Thạch Đài, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, cấp ngày 27/4/2010 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại Tòa, bà N xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Võ Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà N và ông T chung sống với nhau 2010. Bà N cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do T phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên đi sớm về muộn, bỏ mặc vợ con, Mâu thuẫn càng lúc càng lớn, ông T thường xuyên hắt hủi, đánh đập bà N, mặc dù được gia đình, bạn bè khuyên can nhưng ông T vẫn không từ bỏ nhân tình để về với gia đình. Do ông T không có lời khai xác định chấp nhận hay phản bác lời trình bày của bà N mặc dù đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, kết quả công khai chứng cứ tại nơi cư trú cho thấy ông không có mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình, tH tôn trọng pháp luật nên căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ.

Xét thấy, việc duy trì cuộc sống hôn nhân vợ chồng giữa bà N và ông T sẽ làm cả hai người khó khăn vì không thể đem đến hạnh phúc cho nhau, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông T nếu có đánh đập bà N sẽ làm xấu đi hình ảnh gia đình, sẽ làm ảnh hưởng đến việc học tập, phát triển về thể chất và tinh thần của các con, nên bà N yêu cầu được ly hôn với T là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Đức H, sinh ngày 20/11/2010 và Võ Đức N, sinh ngày 05/10/2018 đang sống cùng với bà N, nên bà N yêu cầu nuôi hai con là có cơ sở chấp nhận, bà N tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét 02 con hiện đang ở với bà N, để tạo sự ổn định cho các con phát triển nên việc tiếp tục giao 02 con chung cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp

Về tài sản chung và nợ chung: bà N xác định không có. Nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những nhận định trên thì trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên chấp nhận.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí sơ thẩm là: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật Phí và lệ phí

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Võ Văn T.

Về con chung: Giao 02 con chung Võ Đức H, sinh ngày 20/11/2010 và Võ Đức N, sinh ngày 05/10/2018 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, N vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền

yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định không có

2-/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị N chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, biên lai thu số 0023855, ngày 22/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà Nguyễn Thị N đã nộp xong án phí.

3-/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP.HCM;
- VKS ND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. Thủ Đức;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH
- Các bên đ/sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thành Đức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Hội thẩm nhân dân **Chủ tọa phiên tòa**

Nông Thành Đức